

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 8910
	Giờ..... Ngày 22 tháng 05 năm 11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI
MAY SÀI GÒN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	15 - 34
8. Phụ lục	35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (Công ty mẹ) và Công ty TNHH may Tân Mỹ (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn**Công ty mẹ**

Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty sản xuất xuất nhập khẩu may Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002036 ngày 07 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 01 đến lần 06 về việc bổ sung chức năng kinh doanh, tên và địa chỉ của các Chi nhánh, thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 24 tháng 02 năm 2011:

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Lê Quang Hùng	207.324	2.073.240.000	2,34
Nguyễn Ân	150.662	1.506.620.000	1,70
Đỗ Thị Kim Nhân	132.365	1.323.650.000	1,49
Nguyễn Hoàng Giang	90.084	900.840.000	1,02
Lâm Từ Thanh	155.140	1.551.400.000	1,75
Nguyễn Thị Thu Hương	5.065	50.650.000	0,06
Các cổ đông khác	8.127.931	81.279.310.000	91,64
Cộng	8.868.571	88.685.710.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84-8) 398 44 822
 Fax : (84-8) 398 44 746
 E-mail : gmsg@hcm.fpt.vn
 Mã số thuế : 0300742387

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp may An Nhơn	236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may Bình Tiên	55E Minh Phụng, phường 5, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may An Phú	14/5 ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may Tân Phú	332 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp giặt Bình Chánh	Lô H 38C đường số 6 Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, quận Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty là: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại; Công nghiệp dệt vải các loại; Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị và nguyên liệu phục vụ ngành may; Công nghiệp dệt len các loại; Môi giới thương mại, đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng; Kinh doanh nhà; Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê nhà xưởng; Tư vấn quản lý kinh doanh.

Công ty con và Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH may Tân Mỹ	Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4904000149 ngày 29 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp	100,00%
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4903000177 ngày 13 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp	32,47%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu năm nay tăng 259.890.389.855 VND tương đương 73,42% so với năm trước chủ yếu là do năng suất lao động bình quân (tính cả Công ty con) tăng trên 36% giúp giải quyết nhiều đơn đặt hàng nên kết quả là doanh thu tăng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 34).

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2010 và trích cổ tức năm 2010 như sau:

- Chia cổ tức năm 2009 (22%vốn điều lệ)	19.503.046.200 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế)	1.531.578.722 VND
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (2% lợi nhuận sau thuế)	612.631.489 VND
- Trích thưởng Hội đồng quản trị	906.710.211 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.423.282.346 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.654.325.474 VND
- Trích cổ tức năm 2010 (20%vốn điều lệ)	17.730.042.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch	31 tháng 12 năm 2003	-
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Thành viên	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Lâm Từ Thanh	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Thanh Thị Huệ	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	04 tháng 8 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Chín	Trưởng ban	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Liêu Sanh Thu Cúc	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	27 tháng 01 năm 2004	-
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2011



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0173/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần sản xuất - thương mại may Sài Gòn (công ty mẹ) và Công ty TNHH may Tân Mỹ (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2011, từ trang 08 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất - thương mại may Sài Gòn. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

Như đã trình bày ở thuyết minh I.6 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Mỹ với số tiền là 4.341.000.000 VND (thuyết minh V.11) chưa được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu do tại thời điểm kiểm toán, Công ty cổ phần Phú Mỹ chưa lập xong Báo cáo tài chính năm 2010.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Mai Tiểu Hương - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0191/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.012.223.995	121.977.696.927
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.304.856.543	26.687.436.599
1. Tiền	111		26.304.856.543	25.487.436.599
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		310.000.000	10.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	310.000.000	10.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.772.683.809	38.770.551.037
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	76.756.520.672	23.710.168.351
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	11.179.522.924	9.322.497.882
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	3.836.640.213	5.737.884.804
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		91.647.589.090	54.255.838.561
1. Hàng tồn kho	141	V.6	92.004.104.327	54.255.838.561
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(356.515.237)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.977.094.553	2.253.870.730
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.827.779.846	1.997.587.223
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	149.314.707	256.283.507

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.088.778.671	90.976.874.121
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.728.361	25.728.361
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		25.728.361	25.728.361
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		74.134.994.254	71.361.140.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	62.271.611.254	59.331.449.676
<i>Nguyên giá</i>	222		138.841.693.531	126.570.653.677
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(76.570.082.277)	(67.239.204.001)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		10.000.000	10.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.000.000)	(10.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	11.863.383.000	12.029.690.909
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.353.770.000	18.344.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	4.341.000.000	4.341.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	16.943.870.000	16.934.600.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(2.931.100.000)	(2.931.100.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.574.286.056	1.245.505.175
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.323.484.109	994.703.228
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	250.801.947	250.801.947
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		310.101.002.666	212.954.571.048

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		175.780.316.839	88.717.090.907
I. Nợ ngắn hạn	310		175.189.037.465	88.277.091.846
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	92.548.299.659	42.162.947.967
2. Phải trả người bán	312	V.17	32.835.082.537	23.844.105.541
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	2.127.197.980	1.597.101.674
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	3.673.476.829	2.909.444.119
5. Phải trả người lao động	315	V.20	31.645.300.126	6.585.613.558
6. Chi phí phải trả	316	V.21	1.843.629.947	1.880.385.623
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	10.081.453.522	9.297.493.364
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	434.596.865	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		591.279.374	439.999.061
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	591.279.374	439.999.061
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		134.320.685.827	124.237.480.141
I. Vốn chủ sở hữu	410		134.320.685.827	124.237.480.141
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	88.685.710.000	88.685.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	5.765.652.370	5.765.652.370
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(88.750.000)	(88.750.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.25	1.412.257.150	1.361.168.850
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	20.819.914.139	15.059.162.245
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	4.261.628.040	2.730.049.318
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	13.464.274.128	10.724.487.358
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		310.101.002.666	212.954.571.048

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		35.221.506.926	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		8.038.966.310	17.447.980.600
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.305.923,92	1.262.726,37
Euro (EUR)		3.442,85	3.190,50
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Trần Thị Mỹ Hạnh
Người lập biểu

Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	613.916.316.899	354.254.124.783
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	33.283.782	261.481.521
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	613.883.033.117	353.992.643.262
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	488.359.965.452	273.556.220.553
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		125.523.067.665	80.436.422.709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.286.966.717	26.270.469.206
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.731.919.849	5.657.657.066
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.797.843.461	1.154.090.009
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	15.328.589.773	13.096.761.267
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	76.651.265.800	45.812.184.877
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.098.258.960	42.140.288.705
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.036.301.473	252.851.541
12. Chi phí khác	32	VI.8	77.147.678	46.797.159
13. Lợi nhuận khác	40		959.153.795	206.054.382
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.057.412.755	42.346.343.087
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	5.104.562.568	7.551.560.558
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>34.952.850.187</u>	<u>34.794.782.529</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>34.952.850.187</u>	<u>34.794.782.529</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>3.943</u>	<u>3.925</u>



Trần Thị Mỹ Hạnh
Người lập biểu



Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.057.412.755	42.346.343.087
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	10.829.612.926	9.666.331.108
- Các khoản dự phòng	03	V.7	356.515.237	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(804.862.946)	(15.955.915.645)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.797.843.461	1.154.090.009
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55.236.521.433	37.210.848.559
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(55.122.588.974)	(4.204.145.434)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37.748.265.766)	(9.280.098.206)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		33.821.890.382	3.049.618.411
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(328.780.881)	(474.240.623)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21, VI.4	(4.572.423.020)	(1.154.090.009)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(5.085.271.823)	(8.843.449.193)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.259.571.781)	(4.817.182.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.058.490.430)	11.487.261.500
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, VII	(15.198.708.696)	(14.249.455.358)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	341.627.274	169.761.904
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(310.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	10.000.000	10.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.12	(9.270.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	470.589.000	564.550.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.695.762.422)	(13.505.142.554)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	279.041.470.883	140.925.106.781
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(227.895.508.937)	(122.773.632.370)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(17.730.042.000)	(10.638.025.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		33.415.919.946	7.513.449.211
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.338.332.906)	5.495.568.157
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	26.687.436.599	18.482.415.921
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.955.752.850	2.709.452.521
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	26.304.856.543	26.687.436.599



Trần Thị Mỹ Hạnh
Người lập biểu



Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (Công ty mẹ) và Công ty TNHH may Tân Mỹ (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : May công nghiệp; kinh doanh dịch vụ giặt tẩy.
- Tổng số các công ty con** : 01

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. Danh sách công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH may Tân Mỹ	Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Công ty cổ phần Phú Mỹ chưa lập Báo cáo tài chính năm 2010

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có 2.628 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 2.554 nhân viên).

- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Doanh thu năm nay tăng 259.890.389.855 VND tương đương 73,42% so với năm trước chủ yếu là do năng suất lao động bình quân (tính cả Công ty con) tăng trên 36% giúp giải quyết nhiều đơn đặt hàng nên kết quả là doanh thu tăng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (công ty mẹ) và Công ty TNHH may Tân Mỹ (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 04 năm.

Chi phí sửa chữa

Các khoản chi phí phát sinh để sửa chữa xưởng Tân Xuân được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 01 năm đến 04 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho nhân viên đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp thôi việc là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ các Công ty.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009: 18.475 VND/USD
: 26.535 VND/EUR
31/12/2010: 19.500 VND/USD
: 27.387 VND/EUR

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	266.050.869	218.968.332
Tiền gửi ngân hàng	26.038.805.674	25.268.468.267
Các khoản tương đương tiền (*)	-	1.200.000.000
Cộng	<u>26.304.856.543</u>	<u>26.687.436.599</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Trái phiếu đầu tư ngắn hạn. Chi tiết bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Trái phiếu Chính phủ	-	-	10	10.000.000
Trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	3.100	310.000.000	-	-
Cộng		<u>310.000.000</u>		<u>10.000.000</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Trái phiếu Chính phủ - Công trái xây dựng Tổ Quốc: giảm do đáo hạn.
- Trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á: tăng do mua 3.100 trái phiếu chuyển đổi với giá mua 100.000 VND/trái phiếu.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	4.028.344.522	5.815.537.009
Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Thắng		
Jean	1.982.472.663	1.008.864.628
Công ty TNHH thời trang xanh cơ bản	929.354.407	4.224.261.998
Công ty TNHH B & O	1.002.138.590	287.870.100
Các khách hàng trong nước khác	114.378.862	294.540.283
Khách hàng nước ngoài	72.728.176.150	17.894.631.342
Promiles S.N.C	41.436.923.190	13.946.450.124
New Wave Group SA.	22.217.765.193	763.636.598
Columbia Sportswear Company	9.001.511.317	1.924.713.676
P & T Industrial Co., Ltd.	-	757.410.339
Các khách hàng nước ngoài khác	71.976.450	502.420.605
Cộng	<u>76.756.520.672</u>	<u>23.710.168.351</u>

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>	10.310.286.634	8.438.043.097
Công ty cổ phần Phú Mỹ	9.431.001.534	7.953.224.432
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng CD	350.000.000	-
Các nhà cung cấp trong nước khác	529.285.100	484.818.665
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>	869.236.290	884.454.785
Kai Cherng Enterprise Co., Ltd	-	279.574.970
Penfaric SND BHD	-	523.006.928
HTT Insprise (Xiamen) IMP & EXP Co., Ltd	437.219.055	-
Các nhà cung cấp nước ngoài khác	432.017.235	81.872.887
Cộng	<u>11.179.522.924</u>	<u>9.322.497.882</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm nộp thuế nhập khẩu	155.428.033	40.948.523
Phải thu tiền ứng thuê đất tại Cụm công nghiệp Hắc Dịch cho Công ty TNHH may Tân Mỹ	3.670.052.514	3.670.052.514
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	-	2.026.883.767
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	11.159.666	-
Cộng	<u>3.836.640.213</u>	<u>5.737.884.804</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	57.978.499.493	22.188.605.899
Công cụ, dụng cụ	2.100.646.168	2.444.882.789
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	585.110.180	-
Thành phẩm	31.339.848.486	29.622.349.873
Cộng	<u>92.004.104.327</u>	<u>54.255.838.561</u>

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho một số thành phẩm tồn kho từ năm 2007 và khó có khả năng bán được căn cứ vào giá trị thuần ước tính có thể thực hiện được.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	39.620.507	39.620.507
Tạm ứng	109.694.200	216.663.000
Cộng	<u>149.314.707</u>	<u>256.283.507</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	68.280.186.712	49.323.074.325	4.804.663.526	4.162.729.114	126.570.653.677
Mua trong năm	691.319.645	10.868.170.460	1.503.088.181	714.549.546	13.777.127.832
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.142.035.433)	-	(364.052.545)	(1.506.087.978)
Số cuối năm	68.971.506.357	59.049.209.352	6.307.751.707	4.513.226.115	138.841.693.531
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.315.531.091	27.753.635.735	2.917.479.954	2.482.817.722	46.469.464.502
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	26.859.842.458	33.606.015.140	3.363.163.464	3.410.182.939	67.239.204.001
Khấu hao trong năm	4.388.387.077	5.725.947.425	384.534.620	330.743.804	10.829.612.926
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.140.932.105)	-	(357.802.545)	(1.498.734.650)
Số cuối năm	31.248.229.535	38.191.030.460	3.747.698.084	3.383.124.198	76.570.082.277
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	41.420.344.254	15.717.059.185	1.441.500.062	752.546.175	59.331.449.676
Số cuối năm	37.723.276.822	20.858.178.892	2.560.053.623	1.130.101.917	62.271.611.254
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Chi phí thiết kế sơ bộ và xin ý kiến quy hoạch tại 213 Hong Bang	179.090.909	-	(179.090.909)	-
Tiền đất tại 213 Hong Bang	10.020.000.000	-	-	10.020.000.000
Tiền đất xây dựng nhà ở lưu trú cho công nhân Công ty TNHH may Tân Mỹ	1.830.600.000	12.783.000	-	1.843.383.000
Cộng	12.029.690.909	12.783.000	(179.090.909)	11.863.383.000

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4903000177 ngày 13 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Mỹ 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Đầu tư dài hạn khác**

Khoản đầu tư cổ phiếu. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần da giày Sagoda	7.325	1.919.150.000	7.325	1.919.150.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	843.950	10.127.400.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	10.927	1.209.270.000	10.000	1.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á ^(d)	155.005	3.688.050.000	155.005	3.688.050.000
Cộng		16.943.870.000		16.934.600.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tăng do mua thêm 927 cổ phiếu với giá mua 10.000 VND/cổ phiếu.

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	900.000.000	900.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	2.031.100.000	2.031.100.000
Cộng	2.931.100.000	2.931.100.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào	Số cuối năm
			chi phí SXKD trong năm	
Công cụ, dụng cụ	205.748.293	935.743.594	(391.793.209)	749.698.678
Chi phí sửa chữa	788.954.935	-	(215.169.504)	573.785.431
Cộng	994.703.228	935.743.594	(606.962.713)	1.323.484.109

15. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ thuê nhà và ký quỹ điện thoại.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	15.768.824.401	31.576.758.378
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(b)	50.739.761.818	10.586.189.589
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(a)	26.039.713.440	-
Cộng	92.548.299.659	42.162.947.967

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	42.162.947.967
Số tiền vay phát sinh trong năm	279.041.470.883
Số tiền vay đã trả trong năm	(227.895.508.937)
Giảm do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	(760.610.254)
Số cuối năm	92.548.299.659

17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	22.798.429.378	6.961.502.185
Công ty TNHH công nghiệp Chung Lương Việt Nam	10.513.963.240	154.218.631
Công ty liên doanh Coast Phong Phú	1.959.547.894	857.424.590
Công ty Formosa Việt Nam	697.332.344	620.216.267
Công ty TNHH đầu tư phát triển Khang Minh	479.650.631	1.036.536.117
Công ty VN Paiho	657.657.447	621.989.804
Công ty TNHH sản xuất - thương mại - xây dựng và bao bì giấy Tân Sài Gòn	397.168.889	367.692.551
Công ty TNHH YKK Việt Nam	1.957.683.416	311.966.562
Cơ sở in Thảo Ly	426.785.385	287.885.343
Các nhà cung cấp trong nước khác	5.708.640.132	2.703.572.320
Nhà cung cấp nước ngoài	10.036.653.159	16.882.603.356
Pine Wood Industries Ltd	-	10.044.628.410
Everest Textile Co., Ltd	110.175	1.199.176.593
East Tung Co., Ltd	1.955.482.620	1.009.907.793
Pep Wing International Coporation	14.064.180	784.158.073
Jefswin Co., Ltd	1.895.470.200	2.823.857.563
Huge Rock Textile Co., Ltd	1.459.125.525	-
Jbo Shorting Goods Co., Ltd	1.365.442.650	-
Sunrise Trading Co.,	1.393.939.560	-
Kunshan New Wide Textile Co., Ltd	519.581.790	-
Kai Cherng Enterprise Co., Ltd	341.670.030	-
SML Labels Logistic Macao Commerical Offshore Ltd.	376.203.360	131.113.195
Các nhà cung cấp nước ngoài khác	715.563.069	889.761.729
Cộng	32.835.082.537	23.844.105.541

18. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
N.I Tejin ShoiJi (H.K) Ltd.	2.035.197.980	1.597.101.674
Phan Quốc Khánh	92.000.000	-
Cộng	2.127.197.980	1.597.101.674

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.977.467	2.218.716.088	(1.629.810.404)	602.883.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.857.035.260	5.104.562.568	(5.085.271.823)	2.876.326.005
Thuế thu nhập cá nhân	38.431.392	773.907.580	(618.071.299)	194.267.673
Tiền thuế đất	-	1.177.106.681	(1.177.106.681)	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	(11.000.000)	-
Cộng	2.909.444.119	9.285.292.917	(8.521.260.207)	3.673.476.829

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm theo Công văn số 1467/CT-TTHT ngày 11 tháng 3 năm 2010 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp sau theo Công văn số 1257/CT-TKN ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Năm tài chính 2004 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.
- Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH may Tân Mỹ: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000077 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 15% cho 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo..

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.057.412.755	42.346.343.087
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	745.437.920	1.538.525.084
- Các khoản điều chỉnh giảm	(470.589.000)	(1.928.620.662)
Thu nhập chịu thuế	40.332.261.675	41.956.247.509
Lỗ các năm trước được chuyển ở Công ty con	(623.714.350)	-
Thu nhập tính thuế	39.708.547.325	41.956.247.509
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính (thuế suất 20%)	32.150.495.086	24.267.246.358
- Thu nhập tính thuế khác (thuế suất 25%)	7.558.052.239	20.842.885.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	8.319.612.077	10.064.170.585
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(3.215.049.509)	(2.426.724.636)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	(85.885.391)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	5.104.562.568	7.551.560.558

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sử dụng chung phục vụ sản xuất với mức 2.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn phải nộp tiền thuê đất đối với:

- Diện tích 13.765,9 m² đất đang sử dụng với mức 33.750 VND/m²/năm để làm văn phòng và xưởng may tại 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp theo Hợp đồng thuê đất số 1186/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 16 tháng 02 năm 2006 ký với Sở Tài nguyên Môi trường.
- Diện tích 766,8 m² đất đang sử dụng với mức 129.600 VND/m²/năm để làm xưởng may công nghiệp tại 55E Minh Phụng, phường 5, quận 6 theo Hợp đồng thuê đất số 5570/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 16 tháng 8 năm 2005 ký với Sở Tài nguyên Môi trường. Thời hạn thuê đất 05 năm kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2005.
- Diện tích 15.033 m² đất đang sử dụng với mức 7.500 VND/m²/năm để xây dựng nhà xưởng sản xuất tại xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn (cũ) theo Hợp đồng thuê đất số 1399/HĐ-TĐ ngày 11 tháng 8 năm 1997 ký với Sở địa chính. Thời hạn thuê đất 20 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.
- Diện tích 1.647 m² đất đang sử dụng với mức 54.000 VND/m²/năm để làm văn phòng và xưởng may mặc tại 332 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú theo Hợp đồng thuê đất số 6182/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 01 tháng 8 năm 2008 ký với Sở Tài nguyên Môi trường.
- Diện tích 1.873,60 m² đất tại 213 Hồng Bàng, phường 11, quận 5 đang sử dụng với mức 219.600 VND/m²/năm theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 571CCT.5-Phường 11 ngày 01 tháng 3 năm 2009 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh – Chi cục thuế quận 5.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương, thưởng	22.670.946.733	3.592.222.059
Các khoản khác	8.974.353.393	2.993.391.499
Cộng	31.645.300.126	6.585.613.558

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	168.353.365	569.328.433
Chi phí nguyên phụ liệu	424.905.543	497.611.500
Tiền lương phép	652.078.304	521.253.716
Chi phí thuê đất cho Công ty TNHH may Tân Mỹ	178.023.384	-
Chi phí lãi vay	225.420.441	-
Chi phí phải trả khác	194.848.910	292.191.974
Cộng	1.843.629.947	1.880.385.623

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	344.798.737	165.503.226
Lợi nhuận hợp tác năm 2009 còn phải trả cho Công ty Đăng Nguyên	-	266.969.138
Cổ tức phải trả	8.865.021.000	8.865.021.000
Khoản tiền mượn của Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Thắng Jean	871.633.785	-
Cộng	<u>10.081.453.522</u>	<u>9.297.493.364</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	(2.026.883.767)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	5.654.325.474
Tăng do điều chuyển giữa các quỹ trong năm	101.690.549
Chi quỹ trong năm	(3.294.535.391)
Số cuối năm	<u>434.596.865</u>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi đầu năm chi vượt được trình bày ở chi tiêu “Các khoản phải thu khác” (thuyết minh V.5).

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	439.999.061
Số trích trong năm	1.288.445.330
Số chi trong năm	(1.137.165.017)
Số cuối năm	<u>591.279.374</u>

25. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 35.

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã chi trả cổ tức như sau:

Trả cổ tức năm trước (10% mệnh giá)	8.865.021.000
Tạm ứng cổ tức (10% mệnh giá)	8.865.021.000
Cộng	<u>17.730.042.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.868.571	8.868.571
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.868.571	8.868.571
- Cổ phiếu phổ thông	8.868.571	8.868.571
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.550	3.550
- Cổ phiếu phổ thông	3.550	3.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.865.021	8.865.021
- Cổ phiếu phổ thông	8.865.021	8.865.021
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ hoặc bổ sung vốn điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn nếu được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của các Công ty trong Tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	613.916.316.899	354.254.124.783
- Doanh thu bán thành phẩm	613.211.316.504	353.959.517.210
+ <i>Doanh thu xuất khẩu FOB</i>	594.556.567.057	326.552.305.447
+ <i>Doanh thu xuất khẩu CMP</i>	7.739.798.065	14.161.768.032
+ <i>Doanh thu nội địa</i>	10.914.951.382	13.245.443.731
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	483.184.580	294.607.573
- Doanh thu cung cấp nguyên vật liệu	221.815.815	-
Các khoản giảm trừ doanh thu (giảm giá hàng bán)	(33.283.782)	(261.481.521)
Doanh thu thuần	613.883.033.117	353.992.643.262
<i>Trong đó:</i>	-	-
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	613.178.032.722	353.698.035.689
+ <i>Doanh thu thuần xuất khẩu FOB</i>	594.527.055.655	326.318.632.053
+ <i>Doanh thu thuần xuất khẩu CMP</i>	7.738.772.065	14.133.959.905
+ <i>Doanh thu thuần nội địa</i>	10.912.205.002	13.245.443.731
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	483.184.580	294.607.573
- Doanh thu thuần cung cấp nguyên vật liệu	221.815.815	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	487.781.634.400	273.556.220.553
Giá vốn nguyên vật liệu	221.815.815	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	356.515.237	-
Cộng	488.359.965.452	273.556.220.553



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	164.641.990	152.217.857
Lãi bán cổ phần, vốn vào các công ty khác	-	15.000.000.000
Lãi thu được từ hoạt động liên kết với Bệnh viện Đại học Y Dược	7.928.445.000	7.359.870.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	470.589.000	831.800.900
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.723.290.727	2.926.580.449
Cộng	<u>16.286.966.717</u>	<u>26.270.469.206</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.797.835.473	1.154.090.009
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.934.084.376	4.503.567.057
Cộng	<u>10.731.919.849</u>	<u>5.657.657.066</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.769.529.458	3.406.687.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.291.679.971	5.204.868.468
Chi phí khác	267.380.344	4.485.205.793
Cộng	<u>15.328.589.773</u>	<u>13.096.761.267</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	62.893.354.830	34.643.704.013
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.230.450.643	1.017.323.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.396.242.787	3.439.604.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.959.579.961	3.097.313.700
Chi phí khác	5.171.637.579	3.614.238.740
Cộng	<u>76.651.265.800</u>	<u>45.812.184.877</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	341.627.274	169.761.904
Thu nhập từ các khoản không phải thanh toán do hàng không đạt chất lượng	616.107.399	82.708.685
Thu thanh lý công cụ, dụng cụ	-	380.952
Thu từ bồi thường giải phóng mặt bằng tại 333 Lũy Bán Bích	78.566.800	-
Cộng	<u>1.036.301.473</u>	<u>252.851.541</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	7.353.328	45.647.159
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	-	1.150.000
Chi phí sửa lại mặt bằng do giải phóng đường tại 333 Lũy Bán Bích	69.794.350	-
Cộng	<u>77.147.678</u>	<u>46.797.159</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.952.850.187	34.794.782.529
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.952.850.187	34.794.782.529
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	8.865.021	8.865.021
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.943</u>	<u>3.925</u>

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.865.021	4.665.947
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 6 năm 2009 (từ thặng dư vốn cổ phần)	-	4.199.074
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>8.865.021</u>	<u>8.865.021</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	366.399.304.414	194.420.589.953
Chi phí nhân công	170.160.201.990	110.858.373.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.829.612.926	9.666.331.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.143.260.143	13.542.358.331
Chi phí khác	5.382.090.046	9.372.598.346
Cộng	<u>581.914.469.519</u>	<u>337.860.250.904</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các công nợ phải thu, phải trả liên quan đến tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	336.097.288	4.184.250
Trả trước cho người bán để đầu tư mua sắm tài sản cố định	10.097.001.534	8.356.290.632

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7, Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	894.032.693	992.082.802
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	79.827.129	60.859.054
Phụ cấp, thù lao Hội đồng quản trị	853.977.341	435.074.023
Tiền thưởng	165.833.875	508.319.243
Cộng	<u>1.993.671.038</u>	<u>1.996.335.122</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty cổ phần Phú Mỹ - Công ty liên kết.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với Công ty cổ phần Phú Mỹ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị thi công hoàn thành tăng tài sản công trình Tân Mỹ	210.326.279	1.075.682.341
Ứng trước tiền thi công công trình Tân Mỹ	190.285.046	350.881.413
Ứng tiền trang bị bàn ghế cho nhà lưu trú công nhân Tân Mỹ	106.233.600	159.350.400
Mua tài sản trang bị nhà lưu trú cho công nhân Tân Mỹ	241.440.000	-
Ứng trước tiền thi công công trình nhà lưu trú cho công nhân Tân Mỹ	1.678.201.364	3.394.591.170
Kết chuyển khoản tiền thuê đất thành khoản góp vốn vào Công ty cổ phần Phú Mỹ từ khoản tiền thuê đất đã ứng trước	-	4.341.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty cổ phần Phú Mỹ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước tiền thi công công trình Tân Mỹ	-	86.782.862
Ứng trước tiền thi công công trình nhà lưu trú cho công nhân Tân Mỹ	9.431.001.534	7.707.091.170
Ứng đợt 1 và đợt 2 cho hợp đồng làm bàn ghế xưởng may Tân Mỹ theo hợp đồng 105/HĐTC/09	-	159.350.400
Phải thu lại khoản đã ứng tiền thuê đất tại cụm công nghiệp Hắc Dịch	3.670.052.514	3.670.052.514
Cộng nợ phải thu	<u>13.101.054.048</u>	<u>12.100.548.568</u>

